

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg, ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-TU ngày 26/01/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Tây Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của UBND tỉnh về việc Ban hành Chương trình chuyển đổi số tỉnh Tây Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (sửa đổi, bổ sung năm 2023).

UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện, với những nội dung chính như sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số tạo đột phá trong đổi mới hoạt động giáo dục và đào tạo; đổi mới quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; tác động tích cực, toàn diện tới phương thức hoạt động, chất lượng, hiệu quả và công bằng trong giáo dục.

2. Người học và nhà giáo là trung tâm của quá trình chuyển đổi số; lợi ích mang lại cho người học, đội ngũ nhà giáo và người dân là thước đo chủ yếu đánh giá mức độ thành công của chuyển đổi số.

3. Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo cần có sự thay đổi nhận thức mạnh mẽ, sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp quản lý, sự chủ động, tích cực của các cơ sở giáo dục và sự ủng hộ, tham gia của mỗi người học, mỗi nhà giáo và toàn xã hội.

4. Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo phải được thiết kế đồng bộ, bao quát, có hệ thống trong tổng thể Chương trình chuyển đổi số quốc gia; được triển khai từng bước có trọng tâm, trọng điểm, đạt hiệu quả cao trong từng giai đoạn, nhất là trong giai đoạn thực hiện chủ trương thích ứng an toàn, linh hoạt và kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19.

5. Hoàn thiện thể chế trên cơ sở các mô hình thử nghiệm và phát triển một số nền tảng, tài nguyên giáo dục sử dụng chung là chìa khóa để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tận dụng tiến bộ công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, xây dựng hạ tầng số cho Ngành Giáo dục theo hướng hiện đại, đổi mới mạnh mẽ phương thức dạy và học, quản lý nhà nước về giáo dục và quản trị nhà trường, góp phần tạo chuyển biến về chất lượng và hiệu quả của Ngành giáo dục tỉnh Tây Ninh; hình thành nền tảng số cho xã hội học tập, tạo cơ hội tiếp cận giáo dục chất lượng tốt và hỗ trợ người dân dễ dàng tiếp cận giáo dục và được học tập, nâng cao trình độ liên tục, suốt đời, góp phần nâng cao dân trí và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Tây Ninh.

- Nâng cao và thống nhất nhận thức trong cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, sinh viên và toàn xã hội về các nội dung của chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục, nhất là việc cụ thể hóa các mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ từ năm học 2022-2025 và các năm tiếp theo phù hợp với tình hình thực tế của ngành, địa phương, mỗi cơ sở giáo dục và đồng bộ với Kế hoạch chuyển đổi số của toàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2025

2.1.1. Đổi mới phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với mỗi nhà giáo, mỗi người học

a. Về tiếp cận giáo dục trực tuyến

50% học sinh phổ thông, mỗi sinh viên và mỗi nhà giáo có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến.

b. Về môi trường giáo dục trực tuyến

+ Triển khai có hiệu quả các nền tảng dạy và học trực tuyến là sản phẩm quốc gia, được Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định và tham mưu thêm các phần mềm theo đặc điểm thuận lợi của địa phương Tây Ninh đang triển khai.

+ Triển khai và khai thác kho học liệu trực tuyến của Ngành Giáo dục đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho 50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông.

+ Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Ninh và các Trường Cao đẳng Nghề, Y tế ... cung cấp các chương trình đào tạo và cấp bằng theo hình thức từ xa hoặc trực tuyến.

c. Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến

+ Tỷ lệ nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 5% ở bậc tiểu học, 10% ở bậc trung học.

+ Tỷ lệ lớp học trực tuyến trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các trường chuyên nghiệp, giáo dục thường xuyên đạt trung bình 10%.

2.1.2. Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành dựa trên công nghệ và dữ liệu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng cung cấp dịch vụ hỗ trợ của Nhà nước và các cơ sở giáo dục

- Về quản trị nhà trường: 100% cơ sở giáo dục áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó:

+ 100% người học, 100% nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất toàn quốc;

+ 80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số.

- Về quản lý giáo dục: Hệ thống thông tin quản lý toàn ngành giáo dục được thiết lập và vận hành hiệu quả, trong đó:

+ Cơ sở dữ liệu toàn Ngành Giáo dục được hoàn thiện, kết nối thông suốt với tất cả các cơ sở giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời; được kết nối và chia sẻ hiệu quả với các cơ sở dữ liệu quốc gia.

+ Các cơ quan quản lý giáo dục được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó 90% hồ sơ công việc tại cấp sở; 80% hồ sơ công việc tại cấp phòng được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

+ 80% các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở.

- Về dịch vụ hỗ trợ người học, người dân:

+ 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ toàn trình (hoặc dịch vụ công trực tuyến một phần nếu không phát sinh thanh toán);

+ Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến toàn tuyển trình trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%;

+ Tỷ lệ người học, phụ huynh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục đạt trung bình 80%;

+ Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý giáo dục đạt trung bình 80%.

2.2. Mục tiêu đến năm 2030

- Hoàn thiện nền tảng dạy và học trực tuyến tích hợp kho học liệu số hỗ trợ 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông; cơ sở dữ liệu của Ngành Giáo dục tỉnh được hoàn thiện, cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời.

- 100% nguồn lực giáo dục, chương trình giáo dục và đối tượng giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân được quản lý trên môi trường số, kết nối thông suốt toàn ngành và liên thông với các cơ sở dữ liệu, thông tin quốc gia.

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

a) Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang bị các thiết bị đầu cuối, máy tính đủ đáp ứng dạy môn tin học và triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo.

b) Đảm bảo kết nối Internet cáp quang tới tất cả các cơ sở giáo dục; có chính sách hỗ trợ dịch vụ Internet cho người học và đội ngũ giáo viên.

c) Triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống số hóa, đảm bảo an toàn trong các hoạt động dạy - học và làm việc trên môi trường số. Ưu tiên sử dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng đám mây.

d) Hình thành, phát triển hệ thống phòng học tương tác thông minh, phòng Lab mô phỏng, ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR), công nghệ học máy, công nghệ phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo vào các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, thực hành, trải nghiệm.

2. Phát triển hệ sinh thái chuyển đổi số hoạt động dạy - học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học

a) Xây dựng kho học liệu số chia sẻ dùng chung

- Xây dựng kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung toàn ngành giáo dục, gồm bài giảng điện tử, bài giảng dạy trên truyền hình, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác.

- Xây dựng hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho tất cả các môn học của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên. Thực hiện việc tổ chức việc kiểm tra, đánh giá, tổ chức các kỳ thi của ngành theo hình thức online.

b) Phát triển, ứng dụng các nền tảng số phục vụ dạy - học và triển khai thí điểm mô hình giáo dục đại học số

- Phát triển, ứng dụng nền tảng số dạy và học trực tuyến với các tính năng tiên tiến hỗ trợ học tập cá thể hóa và tăng cường trải nghiệm; tăng cường kiểm tra, thi trên máy tính và thi trực tuyến; kết nối nền tảng dạy học trực tuyến với nền tảng quản trị nhà trường và mạng IoT, thiết lập hệ sinh thái chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục.

- Phát triển, ứng dụng nền tảng cung cấp các khóa học trực tuyến đại chúng mở (MOOCs), tăng cường công nhận tín chỉ các khóa học trực tuyến giữa các cơ sở giáo dục đại học.

- Triển khai thí điểm mô hình giáo dục đại học số tại các trường nghề.

3. Triển khai đồng bộ hệ thống thông tin quản lý giáo dục và đào tạo và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục

Đẩy mạnh phát triển, nâng cấp các hệ thống thông tin giáo dục trên các nền tảng số mới nhất về truyền thông xã hội, cung cấp thông tin và dịch vụ hành chính công một cách đơn giản, thuận tiện trên di động để thực hiện chuyển đổi số toàn diện các mặt công tác chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước và cung cấp trải nghiệm tốt nhất, thân thiện nhất cho người dùng. Các hệ thống triển khai bao gồm:

- Phát triển, hoàn thiện trung tâm điều hành giáo dục thông minh tại Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Triển khai, hoàn thiện các ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành điện tử, hạn chế việc sử dụng giấy tờ, ứng dụng phát triển giao dịch điện tử, xác thực điện tử, văn phòng điện tử tại Sở Giáo dục và Đào tạo và trong toàn ngành.

- Tiếp tục hoàn thành triển khai các dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Kết nối các hệ thống thông tin của quốc gia về giáo dục bao gồm: hệ thống thông tin về trường, lớp, giáo viên, học sinh, hệ thống thông tin về cán bộ quản lý, cơ sở vật chất, trang thiết bị đồ dùng dạy học, thư viện...

- Tiếp tục triển khai hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu ngành, kết nối dữ liệu về Trung tâm giám sát điều hành (IOC), đồng bộ và xác thực người dùng với cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia.

4. Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức; đào tạo, bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học; nâng cao chỉ số phát triển nguồn nhân lực về Chính phủ điện tử (HCI)

a) Chuyển đổi số phải bắt đầu từ nhận thức vai trò người đứng đầu các đơn vị. Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cơ quan quản lý, các cơ sở giáo dục, doanh nghiệp, cộng đồng về vai trò và lợi ích của chuyển đổi số ngành giáo dục; tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về ý nghĩa, vai trò của CNTT về giáo dục; tăng cường sự tham gia của phụ huynh, tổ chức, công dân và doanh nghiệp cùng góp ý, giám sát và sử dụng các dịch vụ, tiện ích do chuyển đổi số mang lại.

b) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành giáo dục.

c) Triển khai mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật (giáo dục STEM/STEAM), phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm mã nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

5. Huy động các nguồn lực tham gia ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; phát triển kinh tế số trong ngành Giáo dục và Đào tạo

a) Đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức và hiệp hội về công nghệ thông tin để tìm hiểu và lựa chọn các giải pháp công nghệ tiên tiến về công nghệ giáo dục và chuyển đổi số áp dụng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; ưu tiên cho phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến, hệ thống học tập trực tuyến, kho học liệu số dùng chung, cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

b) Thúc đẩy phát triển kinh tế số, các giải pháp không sử dụng tiền mặt trong ngành giáo dục nhằm tăng cường ứng dụng chuyển đổi số trong công tác quản lý cũng như cung cấp dịch vụ của đơn vị, tăng cường trải nghiệm tiện ích cho phụ huynh, học sinh và cán bộ quản lý, giáo viên, người lao động.

6. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số và tăng cường giám sát, đánh giá việc thực hiện cơ chế, chính sách

a) Rà soát và ban hành hệ thống văn bản quy định về chuyển đổi số trong các hoạt động dạy học, quản trị cơ sở giáo dục, quản lý giáo dục; quy định về cơ sở dữ liệu trong ngành giáo dục; quy định về năng lực số của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học.

b) Rà soát và ban hành các quy định kỹ thuật về dữ liệu; hỗ trợ kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các đơn vị, cơ quan trong ngành giáo dục và ngành giáo dục

với các cơ sở dữ liệu quốc gia; ban hành tiêu chí kỹ thuật của các nền tảng số dùng trong ngành giáo dục.

c) Thường xuyên thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; tổ chức đánh giá, công bố chỉ số chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Tổng kinh phí thực hiện Kế hoạch là **13.300.000.000** đồng.

- Kinh phí sử dụng từ nguồn sự nghiệp giáo dục – đào tạo và dạy nghề ngân sách tỉnh. Cụ thể:

+ Năm 2023: 1 Tỷ 300 triệu đồng.

+ Năm 2024: 4 Tỷ 400 triệu đồng.

+ Năm 2025: 7 Tỷ 600 triệu đồng.

(Kèm phụ lục kinh phí phân theo năm: 2023, 2024, 2025).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Căn cứ các hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai có hiệu quả Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tổ chức thực hiện Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời hằng năm, theo dõi tổng hợp kết quả thực hiện của các cơ sở giáo dục báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch; tổ chức đánh giá sơ kết và tổng kết theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tập trung sử dụng, khai thác dữ liệu từ các hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo và là đầu mối chủ trì kết nối với các hệ thống theo yêu cầu của tỉnh, đề nghị của các đơn vị khi hệ thống có khả năng cung cấp.

2. Sở Lao động Thương binh và Xã hội

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo năm học.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo, đôn đốc các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh tiếp tục nâng cấp, đầu tư, phát triển hạ tầng số; triển khai cung cấp dịch vụ viễn thông công ích

cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; triển khai thử nghiệm mạng 5G phục vụ chương trình chuyển đổi số trong ngành giáo dục; đảm bảo kết nối internet tới tất cả các cơ sở giáo dục; có chính sách ưu đãi về dịch vụ internet và dịch vụ công nghệ thông tin đối với người học, đội ngũ nhà giáo và các cơ sở giáo dục trong tỉnh.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét phân bổ nguồn kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch.

5. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ, các dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ mục tiêu, nội dung, giải pháp của Kế hoạch để cụ thể hóa nội dung trong kế hoạch phát triển chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo và tổ chức triển khai thực hiện.

- Có các giải pháp tăng cường nguồn lực bảo đảm các điều kiện triển khai chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn.

- Hàng năm, tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch; tổ chức đánh giá sơ kết và tổng kết báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong quá trình tổ chức thực hiện có phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận 

- Như Phần V;
- Bộ GDĐT (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP;
- KSTT; KGVX;
- Lưu: VT, VP.UBND tỉnh.

NIỆM LỜI 4

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

 CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Đức Trọng



PHỤ LỤC KINH PHÍ

thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”;

Nguồn kinh phí: NS địa phương (nguồn vốn: nguồn sự nghiệp giáo dục)

Đơn vị: Triệu Đồng

Stt	Mục chi	Đơn vị	Số lượng	Kinh phí	Thời gian thực hiện	Ghi chú
I. Bộ Giáo dục và Đào tạo						
1	Hệ thống quản lý kho học liệu & bài giảng điện tử	Hệ thống	1		2023 <i>Mục 2.1.1. a (131)</i>	Khai thác Bộ GDDT
2	Hệ thống quản lý thư viện truyền thông và thư viện số	Hệ thống	1		2023 <i>Mục 2.1.1. b (131)</i>	Khai thác Bộ GDDT
3	Cổng thông tin điện tử tích hợp các hệ sinh thái dạy học	Hệ thống	445 (Trường)		2024 <i>Mục 2.1.2 (131)</i>	Khai thác Bộ GDDT
4	Phần mềm quản lý nhà trường và CSDL mầm non, tiểu học.	Hệ thống	1		2024 <i>Mục 2.1.2 (131)</i>	Khai thác Bộ GDDT
4.1	Module quản lý điều hành tác nghiệp giáo dục trung học	Module	1		2024 <i>Mục 2.1.2 (131)</i>	Khai thác Bộ GDDT
4.2	Module quản lý điều hành tác nghiệp giáo dục tiểu học	Module	1		2024 <i>Mục 2.1.2 (131)</i>	Khai thác Bộ GDDT

Stt	Mục chi	Đơn vị	Số lượng	Kinh phí	Thời gian thực hiện	Ghi chú
4.3	Module quản lý điều hành tác nghiệp giáo dục mầm non	Module	1		2024 <i>Mục 2.1.2 (131)</i>	Khai thác Bộ GDDT
4.4	Module báo cáo, điều hành tác nghiệp dành cho sở giáo dục và phòng giáo dục	Module	1		20234 <i>Mục 2.1.2 (131)</i>	Khai thác Bộ GDDT
II. Các cơ sở giáo dục						
1	Hệ thống quản lý dạy và học trực tuyến, kiểm tra kiến thức online	Hệ thống	1	3, 500	2025 <i>Mục 2.1.1. a (131)</i>	
2	Số hóa hồ sơ giáo dục	Phần mềm			2023 <i>Mục 2.1.2 (131)</i>	Kinh phí đơn vị, trường học
2.1	Hồ sơ giáo dục	Phần mềm	131 (Trường THPT+THCS)		2023 <i>Mục 2.1.2 (131)</i>	Kinh phí đơn vị, trường học
2.2	Quản lý giáo án	Phần mềm	131 (Trường THPT+THCS)		2023 <i>Mục 2.1.2 (131)</i>	Kinh phí đơn vị, trường học
3	Hệ thống quản lý ngân hàng câu hỏi, tổ chức thi trực tuyến	Hệ thống	1	4,100	2025 <i>Mục 2.1.2 (131)</i>	Thuê 3 năm

Stt	Mục chi	Đơn vị	Số lượng	Kinh phí	Thời gian thực hiện	Ghi chú
4	Phần mềm quản lý cơ sở vật chất, thiết bị của nhà trường	Hệ thống	1		2025 <i>Mục 2.1.2 (131)</i>	Kinh phí đơn vị, trường học
III. Mua sắm trang thiết bị, phòng học thông minh						
1	Hệ thống tập huấn giáo viên cốt cán và kết hợp Hội nghị truyền hình đến 09 Phòng Giáo dục cấp huyện/thị xã/thành phố và 09 trường THPT ở huyện/thị xã/thành phố.	Hệ thống	1	4, 400	2024 <i>Mục 2.1.2 (131)</i>	Đầu tư một lần
2	Hệ thống thiết bị màn hình ghép điều hành dữ liệu Ngành Giáo dục tập trung, theo dõi trực tuyến	Hệ thống	1	1, 300	2023 <i>Mục 2.1.2 (131)</i>	Đầu tư một lần
	TỔNG CỘNG			13, 300		
	BẢNG CHỮ	<i>Mười ba tỷ ba trăm triệu đồng</i>				